

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
ĐƠN VỊ: KHOA DU LỊCH

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Ngoại ngữ 2 – Pháp 3 (French 3)		
Mã học phần:	DTP0052	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_DTP0052_01		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

**II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO**

*(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)*

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>CLO 1</b>	Vận dụng kiến thức về văn hóa và ngôn ngữ Pháp vào trong hoạt động kinh doanh khách sạn và nghiên cứu du lịch.	Trắc nghiệm	25%	1, 2, 3, 7, 9, 10, 12, 13, 14	2,25
<b>CLO 2</b>	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và đạt chuẩn tiếng Pháp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Trắc nghiệm, tự luận	75%	Trắc nghiệm: 4,5,6,8,11,15,16,17,18,19,20  Tự luận: 1,2,3	7,75

**III. Nội dung câu hỏi thi**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu – 0,25 điểm/câu)**

1. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Vous avez des lunettes. Ce sont ..... lunettes.*

- A. votre
- B. vos**
- C. notre
- D. nos

2. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Céline: Vous parlez quelles langues ?*

*John: Je parle .....,..... et .....*

- A. anglaise, vietnamien et français.
- B. japonais, française et anglais.
- C. chinois, espagnole et français.
- D. allemand, espagnol et français.**

3. Chọn đáp án sử dụng đúng *mạo từ xác định*. (0,25 điểm)

- A. Le Angleterre
- B. Les États-Unis**
- C. La Vietnam
- D. Le Chine

4. Chọn câu đúng để trả lời cho câu hỏi sau : “*Vous vous appelez comment?*” (0,25 điểm)

- A. Ils sont chinois.
- B. Elles sont Pierre et Marie.
- C. Nous sommes Pierre et Marie.**
- D. Tu t’appelles Pierre et Marie.

5. Chọn từ **không** nằm cùng nhóm với các từ sau : *des lunettes, une table, un stylo, une trousse* (0,25 điểm)

- A. un crayon
- B. une gomme
- C. une chanteuse**
- D. un cahier

6. Điền vào chỗ trống : ..... *est votre nationalité?* (0,25 điểm)

- A. Quel
- B. Quelle**
- C. Quels
- D. Quelles

7. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Tu as une chaise. C’est .....chaise.*

- A. ton
- B. mon
- C. ta**

D. ma

8. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Jean: Bonjour, tu t'appelles comment ?*

*Ludivine: ....., c'est Ludivine.*

A. Toi

B. Lui

C. Elle

**D. Moi**

9. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Elles ont des livres. Ce sont ..... livres.*

**A. ses**

B. leurs

C. son

D. leur

10. Chọn từ được chia theo giống cái đúng của “acteur“ (0,25 điểm)

A. acteuse

**B. actrice**

C. acteure

D. acteur

11. Để bắt đầu một đoạn hội thoại, bạn sử dụng mẫu câu gì? (0,25 điểm)

**A. Bonjour!**

B. Bonne journée!

C. Au revoir.

D. Merci.

12. Để trả lời cho câu “*Vous avez quel âge?*“, bạn sử dụng mẫu câu nào? (0,25 điểm)

A. Je m'appelle Tammy.

B. Il a 20 ans.

C. Vous avez 20 ans.

**D. J'ai 20 ans.**

13. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Nous ..... japonais.*

**A. sommes**

B. êtes

C. avons

D. sont

14. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Nous avons ..... livre.*

**A. un**

B. une

C. des

D. le

15. Đây là cách viết của số nào: *quatre-vingt-seize* (0,25 điểm)

- A. 86
- B. 26
- C. 93
- D. 96**

16. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Taylor Swift, elle est .....*

- A. danseur
- B. chanteuse**
- C. cuisinier
- D. étudiant

17. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Marie et Antoine ..... chaud.*

- A. a
- B. sommes
- C. êtes
- D. ont**

18. Số 76 được viết như thế nào ? (0,25 điểm)

- A. soixante-six
- B. soixante-dix-six
- C. soixante-seize**
- D. soixante-treize

19. Điền vào chỗ trống: (0,25 điểm)

*Ma copine, Tammy, elle est .....*

- A. américain
- B. espagnole**
- C. anglais
- D. chinois

20. Điền câu tiếp theo vào đoạn hội thoại: (0,25 điểm)

*Pierre: Salut, ça va ?*

*Marie: Salut, non, ça ne va pas. Je suis .....*

- A. triste**
- B. heureux
- C. content
- D. professeur

## PHẦN TỰ LUẬN

**Câu hỏi 1:** Điền các câu hỏi cho các câu trả lời sau: (1 điểm)

a)..... ? (0,5 điểm)

- Non, il n'est pas allemand.

b)..... ? (0,5 điểm)

- Je suis professeur.

**Câu hỏi 2:** Trả lời các câu hỏi sau bằng một câu phủ định. (2 điểm)

Exemple: *Vous êtes japonais ?*

- *Non, je ne suis pas japonais.*

a) Pierre, il est triste? (0,25 điểm)

→ .....

b) Tu parles japonais? (0,25 điểm)

→ .....

c) Ils aiment le football? (0,25 điểm)

→ .....

d) Vous avez faim? (0,25 điểm)

→ .....

.

**Câu hỏi 3:** Viết một đoạn văn giới thiệu về 1 người bạn trong lớp : Bắt đầu bằng “*J’ai un/une ami/amié.*”. Đoạn văn cần phải cung cấp thông tin về *tên, tuổi, quốc tịch, nói những ngôn ngữ nào, nghề nghiệp, môn thể thao yêu thích* của người bạn đó. (3 điểm)

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

<b>Phần câu hỏi</b>	<b>Nội dung đáp án</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>5.0</b>	
Câu 1 – 10	1.B, 2.D, 3.B, 4.C, 5.C, 6.B, 7.C, 8.D, 9.A, 10.B	0.25 X 10	
Câu 11 – 20	11.A, 12.D, 13.A, 14.A, 15.D, 16.B, 17.D, 18.C, 19.B, 20.A	0.25 X 10	
<b>II. Tự luận</b>		<b>5.0</b>	
Câu 1.a):	Các đáp án được chấp nhận: - Il est allemand? - Est-il allemand? - Est-ce qu'il est allemand?	0.5	Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 1.b):	Các đáp án được chấp nhận: - Quelle est votre/ta profession? - Vous faites quoi dans la vie? - Tu fais quoi dans la vie? Các câu hỏi thể hiện được nội dung và đúng cấu trúc ngữ pháp vẫn được chấp nhận.	0.5	Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 2.a):	Các đáp án được chấp nhận: - Non, il n'est pas triste. - Non, Pierre n'est pas triste.	0.25	- Sai chủ từ nhưng chia đúng thể phủ định : trừ 0,25đ. - Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 2.b):	Các đáp án được chấp nhận: - Non, je ne parle pas japonais. - Đáp án trả lời “Non” kèm một ngôn ngữ khác có thể nói. Vd: Non, mais je parle chinois.	0.25	- Sai chủ từ nhưng chia đúng thể phủ định : trừ 0,25đ. - Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 2.c):	Các đáp án được chấp nhận: - Non, ils n'aiment pas le football. - Non, ils détestent le football. - Đáp án trả lời “Non” kèm một môn thể thao khác thích chơi.	0.25	- Sai chủ từ nhưng chia đúng thể phủ

	Vd: Non, mais ils aiment le basketball.		định : trừ 0,25đ. - Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 2.d):	Các đáp án được chấp nhận: - Non, je ne parle pas japonais. - Đáp án trả lời “Non” kèm một ngôn ngữ khác có thể nói. Vd: Non, mais je parle chinois.	0.25	- Sai chủ từ nhưng chia đúng thể phủ định : trừ 0,25đ. - Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 3:	Đáp án mẫu của đoạn văn: J'ai une amie. Elle s'appelle Céline. Elle a 20 ans. Elle est française. Elle parle anglais, italien et français. Céline est étudiante.	3.0	- Mỗi thông tin đúng sẽ được chấm 0,5đ. - Chia sai chủ từ : trừ một lần cho cả bài: trừ 1đ. - Chia sai động từ: mỗi lỗi trừ 0,25đ. - Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2023

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



**TS. Trịnh Thị Thúy**



**ThS. Đỗ Tuyết Băng Tâm**